

BẢNG ĐIỂM

Vệ sinh và phòng bệnh cho trẻ mầm non (224.1)_DAMH_01

Học kỳ: 1_2024-2025. Giảng viên: Nguyễn Thị Kỳ, Nguyễn Thị Kỳ, Nguyễn Thị Quỳnh Trang (A)

TT	Mã học viên	Họ	Tên	Điểm Quá trình	Ghi chú
1	245714020130051	Đậu Thị Hồng	Ánh	7.8	
2	245714020130136	Nguyễn Thị Hải	Anh	7.2	
3	245714020130146	Phan Thị Ngọc	Ánh	8.4	
4	245714020130196	Lô Thị Diệu	Châu	5.9	
5	245714020130089	Lê Mai	Chi	7.5	
6	245714020130105	Lương Ngọc	Diệp	6.7	
7	245714020130205	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	6.9	
8	245714020130197	Trần Thùy	Dương	8.7	
9	245714020130021	Vi Thị Phương	Diệp	8.3	
10	245714020130129	Nguyễn Thị Kim	Giao	8.7	
11	245714020130125	Ngô Thị	Hàng	8.1	
12	245714020130042	Phạm Nguyễn Nguyệt	Hàng	6.9	
13	245714020130168	Trần Thị Thuý	Hàng	8.1	
14	245714020130034	Nguyễn Thanh	Hiếu	8.2	
15	245714020130177	Hồ Thị	Hoà	8.1	
16	245714020130145	Đặng Thị	Hoài	8.9	
17	245714020130174	Nguyễn Diệu	Hồng	8.2	
18	245714020130012	Lê Khánh	Huyền	8.4	
19	245714020130148	Mạc Thị Sông	Hương	6.5	
20	245714020130004	Nguyễn Thị Vân	Khánh	7.1	
21	245714020130164	Nguyễn Khánh	Linh	7.4	
22	245714020130107	Vy Thị Hà	Linh	8.7	
23	245714020130130	Bùi Phương	Ly	8.3	
24	245714020130184	Vi Thị	Lý	7.5	
25	245714020130098	Trần Thị	Mai	7.6	
26	245714020130158	Lương Thị Cánh	Nga	7.6	
27	245714020130062	Lương Thị	Ngân	8.5	
28	245714020130116	Nguyễn Thị Như	Ngọc	7.5	
29	245714020130219	Lê Thị Thảo	Nguyễn	8.0	
30	245714020130047	Trần Thị Ngọc	Nhân	6.5	
31	245714020130056	Nguyễn Thị Khánh	Nhi	8.2	
32	245714020130005	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	7.8	
33	245714020130138	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	7.7	

TT	Mã học viên	Họ	Tên	Điểm Quá trình	Ghi chú
34	245714020130160	Vi Thị Bảo	Như	8.5	
35	245714020130149	Bùi Thị	Oanh	8.7	
36	245714020130108	Lương Thị Y	Phon	7.4	
37	245714020130017	Bùi Thị	Phương	8.7	
38	245714020130049	Lê Trương Diệu	Quyên	7.5	
39	245714020130024	Lê Vũ Như	Quỳnh	8.3	
40	245714020130081	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	8.1	
41	245714020130072	Lê Thị	Thanh	7.5	
42	245714020130002	Nguyễn Thị Phương	Thanh	8.9	
43	245714020130201	Bùi Phương	Thảo	8.5	
44	245714020130064	Lữ Thị May	Thảo	7.5	
45	245714020130223	Nguyễn Thị	Thảo	7.5	
46	245714020130121	Nguyễn Thị Thu	Thảo	7.8	
47	245714020130150	Trần Thị Phương	Thảo	8.2	
48	245714020130009	Trần Thị Phương	Thảo	8.2	
49	245714020130103	Hà Thị	Thúy	7.5	
50	245714020130011	Võ Thị	Thùy	7.4	
51	245714020130099	Lô Thị Minh	Thư	7.1	
52	245714020130225	Mạc Thị Hồng	Thương	7.9	
53	245714020130137	Lê Thị Thu	Trang	7.7	
54	245714020130067	Nguyễn Thị Anh	Trúc	8.1	
55	245714020130222	Nguyễn Thị Cẩm	Tú	7.2	
56	245714020130036	Trần Nguyễn Phương	Uyên	8.1	
57	245714020130022	Nguyễn Thị Hồng	Vui	8.8	
58	245714020130113	Lô Thị Hà	Vy	7.1	
59	245714020130171	Đặng Thị Hải	Yến	8.0	
60	245714020130016	Nguyễn Thị	Yến	7.9	

Nghệ An, ngày 15 tháng 07 năm 2025

Trưởng bộ môn

Giảng viên